



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định thống tư số 04/2012/TT-BCT

Trang 1/12

## Acid-A-Foam™ EVO

Phiên bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-22

### Phần 1. Nhận dạng hoá chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

#### 1.1 Định dạng sản phẩm

Tên sản phẩm	Acid-A-Foam™ EVO
Số Danh Mục	418089, 318089

#### 1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	[SU3] Sử dụng trong công nghiệp: Sử dụng các chất như vậy hoặc trong các chế phẩm tại các khu công nghiệp; [PC35] Sản phẩm giặt và làm sạch (kể cả sản phẩm gốc dung môi);
Hình thù	Sạch hơn.

#### 1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty:	Neogen Corporation
Địa chỉ nhà	620 Leshner Place Lansing MI 48912 USA
Web	www.neogen.com
Điện thoại:	517-372-9200/800-234-5333
Địa chỉ email:	SDS@neogen.com

#### 1.4 Điện thoại khẩn cấp

	24 giờ: Y tế: 1-800-498-5743 (Mỹ và Canada) hoặc 1-651-523-0318 (quốc tế) Trần/CHEMTREC: 1-800-424-9300 (Hoà Kỳ và Canada) hoặc 1-703-527-3887 (quốc tế)
--	--

#### Thông tin khác

	Sản xuất bởi: Preserve International 944 Nandino Blvd. Lexington, KY 40511-1205 U.S.A.  Preserve International là một công ty con thuộc sở hữu của Neogen Corporation.
--	---

### Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

#### 2.1 Sự phân loại hoá chất hoặc hỗn hợp

2.1.2. Phân loại (Quy định số GHS)	Skjin Corr. 1B: H314;
------------------------------------	-----------------------

#### 2.2 Các yếu tố nhãn


## Acid-A-Foam™ EVO

Phiên bản

4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-22

## 2.2 Các yếu tố nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ	
Lời cảnh báo	Nguy hiểm
Cảnh báo nguy hiểm	Skin Corr. 1B: H314 - Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.
Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp phòng ngừa	P260 - Không được hít bụi / khói / khí / sương mù / hơi / phun P264 - Rửa thật kỹ sâu khỉ xử lý . P280 - Đeo găng tay bảo vệ / bảo vệ bảo vệ bảo vệ quần áo / mắt / mặt.
Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp ứng phó	P301+P330+P331 - Nếu NUỐT: Súc miệng. Không được nôn mửa. P303+P361+P353 - Nếu ON DA (hoặc tóc): Hủy bỏ / Cởi ngay lập tức tất cả quần áo bị ô nhiễm. Rửa sạch da bằng nước / vòi sen. P304+P340 - NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân về không khí trong lành và giữ nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp. P305+P351+P338 - Nếu VÀO MẮT: Rửa sạch một cách thận trọng với nước trong vài phút. Loại bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng để làm. Tiếp tục rửa. P310 - Ngay lập tức gọi trung tâm giải độc hoặc bác sĩ / bác sĩ . P363 - Giặt quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng.
Các lưu ý phòng ngừa: Việc thải bỏ	P501 - Xử lý các nội dụng / container một cơ sở xử lý chất thải nguy hại / đặc biệt được phê duyệt theo quy định của địa phương và quốc gia.

## 2.3 Các nguy cơ khác

Các dấu hiệu nguy hiểm khác	Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể có hại nếu hít.
-----------------------------	---

## Phần 3. Thành phần/thống tịn về các phụ liệu

## 3.2 Hỗn hợp

## EC 1272/2008

Tên hóa học	Chỉ số	Số CAS	Số EC	REACH Số Đăng ký	Nồng độ %	Phân loại
Hydrogen chloride (Acid hydrochloric)	017-002-00-2	7647-01-0	231-595-7		1 - 10%	Acute Tox. 3: H331; Skin Corr. 1A: H314;
Cocamidopropyl betaine		61789-40-0	263-058-8		0.5 - 1%	Eye Dám. 1: H318; Aquatic Acute 2: H401; Aquatic Chronic 3: H412;
Làuryl dimethyl amine oxide		1643-20-5	216-700-6		1 - 10%	Acute Tox. 4: H302; Skin Irrit. 2: H315; Eye Dám. 1: H318; Aquatic Acute 1: H400; Aquatic Chronic 2: H411;
Sulphamic acid	016-026-00-0	5329-14-6	226-218-8		1 - 10%	Eye Irrit. 2: H319; Skin Irrit. 2: H315; Aquatic Chronic 3: H412;
Glycolic acid		79-14-1	201-180-5		1 - 10%	Skin Corr. 1B: H314; Acute Tox. 4: H332;

## Hình thể

	Nồng độ được liệt kê không phải là tổng số kỹ thuật sản phẩm.
--	---

## Thống tịn khác

	Toàn văn Tuyên bố về mọi nguy được liệt kê trong Phần này được cung cấp trong Phần 16.
--	--

## Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

## 4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

## Acid-A-Foam™ EVO

Phiên bản

4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-22

## 4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

<b>Sâu khì hít phải:</b>	Di chuyển người tiếp xúc với không khí trong lành. Chăm sóc y tế ngay lập tức khi được yêu cầu. Nếu bất tỉnh, kiểm tra nhịp thở và áp dụng hô hấp nhân tạo nếu cần thiết. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nếu ngừng thở, cung cấp hô hấp nhân tạo.
<b>Sâu khì tiếp xúc với mắt</b>	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Giữ mắt mở và rửa từ từ và nhẹ nhàng với nước trong 15-20 phút. Kính áp tròng nên được loại bỏ. Chăm sóc y tế ngay lập tức khi được yêu cầu.
<b>Trong trường hợp tiếp xúc với da</b>	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Sâu khì tiếp xúc với da, hãy cởi ngay tất cả quần áo bị nhiễm bẩn và giặt ngay lập tức với nhiều Xà phòng và nước. Làm ướt vùng da bị ảnh hưởng bằng nước chảy trong 10 phút hoặc lâu hơn nếu chất vẫn còn trên da. Chăm sóc y tế ngay lập tức khi được yêu cầu.
<b>Nếu nuốt phải:</b>	Rửa miệng thật kỹ. Không gây nôn trừ khi được trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ yêu cầu làm như vậy. Tổn thương niêm mạc có thể chống chỉ định sử dụng rửa dạ dày. Không bảo giờ cho bất cứ điều gì vào miệng của một người đã bất tỉnh. Chăm sóc y tế ngay lập tức khi được yêu cầu.

## 4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

<b>Sâu khì hít phải:</b>	thuộc tính mỗi trường. Gây bỏng. Trong trường hợp nghiêm trọng, có thể gây mất ý thức. Có thể gây kích ứng cho niêm mạc. Có thể gây chóng mặt và đau đầu.
<b>Sâu khì tiếp xúc với mắt</b>	Nguy cơ thiệt hại nghiêm trọng cho mắt. Gây viêm nặng và có thể làm hỏng giác mạc. Nguy cơ ảnh hưởng rất nghiêm trọng không thể đảo ngược.
<b>Trong trường hợp tiếp xúc với da</b>	Ăn mòn mô sống. Gây bỏng da. Nguy cơ ảnh hưởng rất nghiêm trọng không thể đảo ngược.
<b>Nếu nuốt phải:</b>	Ăn mòn mô sống. Gây bỏng nặng. Nguy cơ ảnh hưởng rất nghiêm trọng không thể đảo ngược. Ăn vào có thể gây buồn nôn và nôn.

## 4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Chuyển đến bệnh viện nếu có bỏng hoặc triệu chứng ngộ độc. Chăm sóc y tế ngay lập tức khi được yêu cầu. Nếu cần tư vấn y tế, có hộp đựng sản phẩm hoặc nhãn trong tay.
--	--

## Thông tin khác

	Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin.
--	--

## Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

## 5.1 Các phương tiện chữa cháy

	Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
--	--

## 5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

	Không hít hơi hoặc phun sương. Chứa chất gây nguy hiểm cho môi trường. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm chonguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.
--	---

## 5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

	Trong trường hợp hỏa hoạn và / hoặc nổ không hít khói. Mặc thiết bị thở độc lập và quần áo bảo vệ hỏa học.
--	--

## Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

## 6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

	Trong trường hợp dọn dẹp sâu sự cố tràn, hãy mặc quần áo bảo hộ và thiết bị phù hợp để tránh tiếp xúc với da và mắt và để tránh nuốt phải hoặc hít phải. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Giữ nhân viên tránh tràn. Tránh tiếp xúc với mắt và da. Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Tránh xa các vật liệu không tương thích.
--	--

## 6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

## Acid-A-Foam™ EVO

Phiên bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-22

## 6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

	Ngăn chặn sự cố tràn thêm nếu an toàn. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không xả vào nước mặt. Đựng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.
--	--

## 6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch

	Hấp thụ với vật liệu trơ, thấm nước. Dọn chỗ đổ. Chuyển đến container thích hợp, có nhãn để xử lý. Vứt bỏ vật liệu này và thùng chứa của nó đến điểm thụ gom chất thải nguy hại hoặc đặc biệt. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải.
--	---

## 6.4 Xem các mục khác

	Xem Phần (2, 8, 13) để biết thêm thông tin.
--	---

## Phần 7. Các lưu ý khí thải tác và lưu trữ

## 7.1 Các biện pháp phòng ngừa để tránh tác hại an toàn với hoá chất

	<p>Áp dụng các cân nhắc Xử lý thủ công tốt nhất khi xử lý, mang và phá chế. Xử lý và container mở với việc chăm sóc. Không hít hơi hoặc phun sương. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hô hấp thích hợp. Gây tổn thương mắt và tổn thương da. Mặc quần áo bảo hộ hoá chất. Đeo kính bảo hộ hoặc tấm chắn mặt và găng tay cao su khi xử lý sản phẩm này. Rửa bên ngoài găng tay trước khi tháo chúng ra. Rửa tay kỹ bằng xà phòng và nước sạch khi xử lý và trước khi ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng thuốc lá hoặc sử dụng nhà vệ sinh. Quần áo làm việc bị ô nhiễm không được phép bỏ nơi làm việc. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Không ăn, uống hoặc hút thuốc ở những khu vực sử dụng hoặc bảo quản sản phẩm này.</p> <p>Đọc toàn bộ nhãn và làm theo tất cả các hướng dẫn sử dụng, hạn chế và biện pháp phòng ngừa.</p>
--	--

## 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

	Lưu trữ trong thùng chứa bản đầu ở nơi khô mát, không thể tiếp cận với trẻ em và vật nuôi. Giữ kín thùng chứa. Không làm ô nhiễm nước, thực phẩm hoặc thức ăn bằng cách lưu trữ hoặc xử lý. Giữ container kín và tránh xa các hoá chất khác. Không lưu trữ với Các chất hoặc hỗn hợp không tương thích. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.
--	---

## 7.3 Sử dụng cụ thể

	Xem Phần (1.2) để biết thêm thông tin.
--	--

## Thông tin khác

	Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin.
--	--

## Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

## 8.1 Các thông số kiểm soát

## 8.1.1. Giá trị giới hạn phơi nhiễm


Formaldehyde...% (Formaldehyde)	Gìon hạn tiếp xúc cả làm việc (TWA): 0.5 Nhóm độc tính theo IARC: 1	Gìon hạn tiếp xúc ngắn (STEL): 1
Hydrogen chloride (Acid hydrochloric)	Gìon hạn tiếp xúc cả làm việc (TWA): 5.0 Nhóm độc tính theo IARC: 3	Gìon hạn tiếp xúc ngắn (STEL): 7.5
Methanol	Gìon hạn tiếp xúc cả làm việc (TWA): 50 Nhóm độc tính theo IARC:	Gìon hạn tiếp xúc ngắn (STEL): 100

## Acid-A-Foam™ EVO

Phiên bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-22

## 8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

	
8.2.1. Các biện pháp kỹ thuật	Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe.
8.2.2. Các biện pháp bảo hộ cá nhân	Mặc quần áo bảo hộ hóa chất. Không hít hơi hoặc phun sương.
Bảo vệ mắt/mặt	Mặc: Kính bảo hộ đã được phê duyệt, Mặt khiên.
Bảo vệ tay	Mặc: Găng tay chống hóa chất. Rửa bên ngoài găng tay trước khi tháo chúng ra. Rửa tay kỹ bằng xà phòng và nước sau khi xử lý và trước khi ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng thuốc lá hoặc sử dụng nhà vệ sinh.
Thiết bị bảo hộ khác	Sau khi tiếp xúc với đá, rửa ngay lập tức với nhiều Xà phòng và nước. Mặc quần áo bảo hộ, găng tay và bảo vệ mắt / mặt phù hợp.
Bảo vệ hô hấp	Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hô hấp thích hợp.
Kiểm soát phơi nhiễm nghề nghiệp	Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Cung cấp hóa chất tẩm. Cung cấp trạm rửa mắt. Bảo vệ quần áo khỏi tiếp xúc với sản phẩm. Quần áo làm việc bị ô nhiễm không được phép ra khỏi nơi làm việc. Tránh ô nhiễm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi.

## Phần 9. Các tính chất vật lý và hoá học

## 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học

Hình thể	Chất lỏng
Màu sắc	Thông thoáng
Mùi đặc trưng	Đặc điềm
Ngưỡng mùi	Không có thông tin
Độ pH	1 - 3
Điềm nóng chảy	Không có thông tin
Điềm đóng băng	< 100 °C
Điềm sôi/khoảng sôi	> 100 °C
Điềm chớp cháy/oint	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không áp dụng được
Áp suất hóa hơi	Không có thông tin
Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin
Tỷ trọng tương đối	1.18 - 1.24
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Độ nhớt, động lực	1 cP @ 25°C
Đặc tính cháy nổ	Không có thông tin
Đặc tính oxy hóa	Không có thông tin
Tính tan trong nước	Miscible trong nước

## 9.2 Các dữ liệu khác

VOC (Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi)	Không có thông tin
----------------------------------	--------------------

## Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

## 10.1 Khả năng phản ứng

## Acid-A-Foam™ EVO

Phiên bản

4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-22

## 10.1 Khả năng phản ứng

Ổn định trong điều kiện bình thường.

## 10.2 Tính ổn định hoá học

Ổn định trong điều kiện bình thường.

## 10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Trong các điều kiện quy định, các phản ứng nguy hiểm dẫn đến nhiệt độ hoặc áp suất quá mức không được mong đợi.

## 10.4 Các điều kiện cần tránh

Tránh xa nhiệt độ cực đoan. Tránh xa các vật liệu không tương thích.

## 10.5 Các vật liệu xung khắc

Tránh xa Cản cứ mạnh.

## 10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Ôxít carbon.

## Phần 11. Thông tin độc học

## 11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

<b>Ngộ độc cấp tính</b>	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng. Tuy nhiên, sản phẩm này có chứa (các) chất được phân loại là nguy hiểm. Đề biết thêm thông tin, xem Phần 3.
<b>Ăn mòn / kích ứng da</b>	Ăn mòn mô sống. Gây bỏng. Nguy cơ có thể có tác dụng không thể đảo ngược.
<b>Tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng</b>	Gây bỏng nặng. Gây viêm nặng và có thể làm hỏng giác mạc. Nguy cơ có thể có tác dụng không thể đảo ngược.
<b>Nhạy cảm</b>	Có thể gây ra phản ứng dị ứng ở những người nhạy cảm.
<b>Biến đổi tế bào gốc</b>	Tác dụng gây đột biến và gây quái thai đã được tìm thấy ở động vật thí nghiệm.
<b>Độc tính gây ung thư</b>	Được liệt kê bởi Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế (IARC) dưới dạng Chất nhóm 1: chất gây ung thư ở người, [Formaldehyde, CAS No. 50-00-0], Chất nhóm 2: nghi ngờ là chất gây ung thư ở người, [Dichloroacetic acid, CAS No. 79-43-6], Chất nhóm 3: bằng chứng không hỗ trợ chất này là chất gây ung thư ở người, [Hydrochloric acid (Hydrogen chloride), CAS No. 7647-01-0]. Được liệt kê trong Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp chính phủ Hoa Kỳ (ACGIH) Hướng dẫn về các giá trị phơi nhiễm nghề nghiệp như Nhóm A2: chất gây ung thư nghi ngờ ở người, [Formaldehyde, CAS No. 50-00-0], Nhóm A3: chất gây ung thư động vật được xác nhận không liên quan đến con người, [Dichloroacetic acid, CAS No. 79-43-6]. Được liệt kê trong Báo cáo về Chương trình Chất độc Quốc gia (NTP) về Chất gây ung thư là một chất gây ung thư ở người, [Formaldehyde, CAS No. 50-00-0]. Được liệt kê bởi Cơ quan quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp Hoa Kỳ (OSHA) là chất gây ung thư ở người (29CFR1910.1003). [Formaldehyde, CAS No. 50-00-0].
<b>Độc tính đối với sinh sản</b>	Tác dụng sinh sản bất lợi đã được tìm thấy ở động vật thí nghiệm.
<b>Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể -phơi nhiễm đơn lẻ</b>	Có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít. Có thể gây kích ứng niêm mạc miệng.
<b>Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần</b>	Các thành phần có thể gây tổn hại cho các bộ phận cơ thể người dựa trên dữ liệu động vật.
<b>Nguy cơ hấp</b>	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
<b>Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài</b>	Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Sự xuất hiện chậm trễ của các khiếu nại và phát triển quá mẫn cảm (khó thở, ho, hen suyễn) là có thể.

## Acid-A-Foam™ EVO

Phiên bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-22

<b>11.1.2. Hỗn hợp</b>	
	Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.
<b>11.1.3. Thông tin nguy hiểm</b>	
	Xem Phần (2 và 3) để biết thêm thông tin.
<b>11.1.4. Thông tin độc tính</b>	
	Không có thông tin
<b>11.1.5. Nhóm sự cố</b>	
	Xem Phần (2 và 4) để biết thêm thông tin.
<b>11.1.6. Tiêu chí phân loại</b>	
	Dựa trên các cân nhắc của Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS) để phân loại hỗn hợp. Xem Phần 15 để trích dẫn quy định.
<b>11.1.7. Thông tin về các tuyến đường có khả năng bị phơi nhiễm</b>	
	Sâu khí tiếp xúc với mắt. Trong trường hợp tiếp xúc với da. Sâu khí hít phải. Nếu nuốt phải.
<b>11.1.8. Các triệu chứng liên quan đến các đặc tính vật lý, hoá học và độc tính</b>	
	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
<b>11.1.9. Các tác dụng bị trì hoãn và gây lập tức cũng như các tác động mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn</b>	
	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
<b>11.1.10. Hiệu ứng tương tác</b>	
	Không có thông tin.
<b>11.1.11. Thiệu dữ liệu cụ thể</b>	
	<1% hỗn hợp này bao gồm các thành phần độc tính cấp tính chưa biết.
<b>11.1.12. Hỗn hợp so với thông tin chất</b>	
	Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.
<b>11.1.13. Thông tin khác</b>	
	Chú ý - chất chưa được kiểm tra đầy đủ.
<b>Phần 12. Thông tin sinh thái học</b>	
<b>12.1 Độc tính</b>	
	Không có thông tin
<b>12.2 Tính bền vững và phân hủy</b>	
	Không có thông tin.
<b>12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học</b>	
	Không có thông tin.
<b>12.4 Tính biến đổi trong đất</b>	
	Không có thông tin.
<b>12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB</b>	
	Không có thông tin.
<b>12.6 Các ảnh hưởng có hại khác</b>	
	Chứa chất gây nguy hiểm cho môi trường. Dữ liệu thử nghiệm cụ thể cho hỗn hợp là không có sẵn.



## Acid-A-Foam™ EVO

Phiên bản

4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-22

**Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy****13.1. Các phương pháp xử lý chất thải**

	Xử lý các nội dụng / container một cơ sở xử lý chất thải nguy hại / đặc biệt được phê duyệt theo quy định của địa phương và quốc gia. Không xả nước thải có chứa sản phẩm này vào hệ thống thoát nước. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.
--	--

**Phương pháp xử lý**

	Xử lý các nội dụng / container một cơ sở xử lý chất thải nguy hại / đặc biệt được phê duyệt theo quy định của địa phương và quốc gia. Không làm nhiệm vụ rửa nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Không được đổ vào cống rãnh; vứt bỏ vật liệu này và thùng chứa của nó một cách an toàn. Không xả vào nước mặt. Đừng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.
--	---


**Xử lý bảo bì**

	Container không thể đổ. Không tái sử dụng đồ chứa này. Lưu trữ trong hộp kín bán đầu cách xa thực phẩm hoặc thức ăn. Các thùng rỗng có thể được gửi đến bãi rác sau khi làm sạch, nếu tuân thủ quy định của địa phương và quốc gia. Có thể được tái chế nếu tuân thủ quy định của địa phương và quốc gia.
--	--

**Thông tin khác**

	Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin.
--	--

**Phần 14. Thông tin vận chuyển****Hình đồ cảnh báo nguy cơ**

	
--	--

**14.1 Số UN**

	UN3264
--	--------

**14.2 Tên vận chuyển thích hợp**

	CORROSIVE LIQUID, ACIDIC, INORGANIC, N.O.S. (Hydrochloric acid, Glycolic acid)
--	--

**14.3 Hạng**

ADR/RID	8
Rủi ro phụ	-
IMDG	8
Rủi ro phụ	-
IATA	8
Rủi ro phụ	-

**14.4 Nhóm đóng gói**

Nhóm đóng gói	II
---------------	----

**14.5 môi trường độc hại**

Mối nguy hiểm môi trường	No
Ô nhiễm môi trường biển	No

**ADR/RID**

ID nguy hiểm	80
--------------	----



## Acid-A-Foam™ EVO

Phiên bản

4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-22

ADR/RID

IMDG

EmS F-A S-B

IATA

Hướng dẫn đóng gói (chở hàng)	855
Số lượng tối đa	30 L
Hướng dẫn đóng gói (Hành khách)	851
Số lượng tối đa	1 L

## Phần 15. Thông tin pháp luật

## 15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Quy định	Thông tư số 04/2012/TT-BCT.
Danh mục hoá chất / Danh sách phải biết:	<p>- Quốc tế--.</p> <p>Công ước Basel (Chất thải nguy hại): H8.</p> <p>Công ước vũ khí hoá học (OPCW): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Khí nhà kính Nghị định thư Kyoto: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Thỏa thuận Mercosur: Không áp dụng được.</p> <p>Nghị định thư Montréal: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Công ước Rotterdam: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Công ước Stockholm: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>--Asiã và các quốc gia ASEAN--.</p> <p>Danh mục hoá chất độc hại (Trung Quốc): [2507, Hydrochloric acid (Hydrogen chloride), CAS No. 7647-01-0], [25, Sulfamic acid, CAS No. 5329-14-6], [553, Dichloroacetic acid, CAS No. 79-43-6], [1173, Formaldehyde (Methanol solution), CAS No. 50-00-0].</p> <p>Quy định của Bộ trưởng Bộ Thương mại Cộng hòa Indonesia, Số 75, Năm 2014, về Sửa đổi thứ hai của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Số 44, Năm 2009, về Cung cấp, Phân phối và Kiểm soát các Chất độc hại: Vật liệu độc hại có thể sử dụng, [Hydrochloric acid (Hydrogen chloride), CAS No. 7647-01-0], [Formaldehyde, CAS No. 50-00-0].</p> <p>Lệnh kiểm soát các chất hoá học (Nhật Bản): Luật kiểm soát ô nhiễm không khí (Nhật bản): [], Luật kiểm soát ô nhiễm nước (Nhật bản): [], [Hydrochloric acid (Hydrogen chloride), CAS No. 7647-01-0], Đánh giá ưu tiên, (hệ sinh thái), Phát hành môi trường loại I, [Lauryl dimethyl amine oxide, CAS No. 1643-20-5], [Cocamidopropyl betaine, CAS No. 61789-40-0], [Formaldehyde, CAS No. 50-00-0], Phát hành môi trường loại II, [Dichloroacetic acid, CAS No. 79-43-6]. Giám sát loại II, số 1030 [Formaldehyde, CAS No. 50-00-0].</p> <p>Đạo luật về an toàn và sức khỏe công nghiệp, các chất nguy hiểm (Nhật Bản): Yêu cầu ghi nhãn / thông báo, Nhóm 3 chất quy định, [Hydrochloric acid (Hydrogen chloride), CAS No. 7647-01-0]. Kiểm soát hành chính, reg. Khống. 29.2 [Formaldehyde, CAS No. 50-00-0] (0.1ppm).</p> <p>Đạo luật về chất độc và độc hại (Nhật Bản): Tuyệt vời, [Hydrochloric acid (Hydrogen chloride), CAS No. 7647-01-0], [Glycolic acid, CAS No. 79-14-1], [Dichloroacetic acid, CAS No. 79-43-6].</p> <p>Các chất hoá học được phép (Hàn Quốc): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Các chất bị hạn chế hoặc bị cấm (Hàn Quốc): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Sử dụng và các tiêu chuẩn tiếp xúc với hoá chất có hại cho sức khỏe (USECHH), Quy định 2000 (Malaysia): Lịch trình tiếp xúc I, Quy định lớp, [Hydrochloric acid (Hydrogen chloride), CAS No. 7647-01-0], [Formaldehyde, CAS No. 50-00-0].</p> <p>Kiểm kê hoá chất và hoá chất của Philippines (PICCS): Các chất độc hại và Đạo luật kiểm soát chất thải hạt nhân nguy hiểm và hạt nhân (RA6969):, [Hydrochloric acid (Hydrogen chloride), CAS No. 7647-01-0], [Lauryl dimethyl amine oxide, CAS No. 1643-20-5], [Sulfamic acid, CAS No. 5329-14-6], [Cocamidopropyl betaine, CAS No. 61789-40-0], [Dichloroacetic acid, CAS No.</p>

## Acid-A-Foam™ EVO

Phiên bản

4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-22

## 15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

79-43-6].

Đạo luật kiểm soát các chất hoá học và chất độc có liên quan đến Đại Loãn (TCCSCA): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.

Đạo luật về các chất độc hại (Thái Lan): Type 2 [Formaldehyde, CAS No. 50-00-0].

Lệnh Hố chất (Việt Nam): Phụ lục I, Phụ lục IV, Phụ lục V, Phụ lục VI, Phụ lục VII, [Hydrochloric acid (Hydrogen chloride), CAS No. 7647-01-0], Phụ lục I, Phụ lục VII, [Sulfamic acid, CAS No. 5329-14-6], [Dichloroacetic acid, CAS No. 79-43-6], Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục IV, Phụ lục VI, Phụ lục VII, [Formaldehyde, CAS No. 50-00-0].

--Úc và New Zealand--.

Mã hàng nguy hiểm của Úc: Class 8.

Kiểm kê các chất hoá học (AICS) của Úc: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

Tồn kho hoá chất New Zealand (NZIO): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

- Liên minh châu Âu (EU) và Vương quốc Anh (Anh) -.

Danh sách ủy quyền (Phụ lục XIV của REACH): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.

Phụ lục XVII cho REACH: Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.

Điều 95 của Quy định về Sản phẩm Biocidal (BPR): Không áp dụng được.

--Bắc Mỹ--.

Danh sách các chất trong nước / ngoài nước (DSL / NDSL): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

Đạo luật kiểm soát các chất độc hại (TSCA): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

Danh sách các chất độc hại cần biết của Massachusetts: Hydrochloric acid (Hydrogen chloride).

Đạo luật Quyền được biết của Công nhân và Cộng đồng New Jersey: Hydrochloric acid (Hydrogen chloride), Sulfamic acid.

Quyền được biết của Pennsylvania: Hydrochloric acid (Hydrogen chloride).

Lệnh chung về quyền được biết của Rhode Island: Hydrochloric acid (Hydrogen chloride).

\*\* Cư dân California xin lưu ý \*\*.

**CẢNH BÁO:** Sản phẩm này có thể khiến bạn tiếp xúc với hoá chất, bao gồm formaldehyde, CAS No. 50-00-0 and dichloroacetic acid, CAS No. 79-43-6, được biết đến với Tiêu bảng California gây ung thư và dichloroacetic acid, CAS No. 79-43-6 được biết đến bởi Tiêu bảng California gây ra dị tật bẩm sinh hoặc các tác hại sinh sản khác. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập [www.P65Warnings.ca.gov](http://www.P65Warnings.ca.gov).

Đạo luật Phải biết về Sản phẩm Làm sạch California năm 2017 (SB 258): Xem Bản đính kèm A để biết danh sách đầy đủ và thông tin bổ sung.

## Phần 16. Các thông tin khác

## Các thông tin khác

## Phiên bản

Tài liệu này khác với phiên bản trước trong các lĩnh vực sau:.

1 - Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo.

1 - Sản xuất bởi:.

2 - 2.1.2. Phân loại (Quy định số GHS).

2 - Hình đồ cảnh báo nguy cơ.

2 - Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp phòng ngừa.

2 - Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp ứng phó.

2 - Các lưu ý phòng ngừa: Lưu trữ.

5 - 5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hoá chất và hỗn hợp.

5 - 5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa.

## Acid-A-Foam™ EVO

Phiên bản

4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-22

## Các thông tin khác

<p><b>Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn</b></p>	<p>8 - 8.2.2. Các biện pháp bảo hộ cá nhân.            9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Tỷ trọng tương đối).            9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Độ nhớt, động lực).            9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Điểm đóng băng).            12 - 12.6 Các ảnh hưởng có hại khác.            15 - Danh mục hoá chất / Danh sách phải biết.            16 - Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn.</p> <hr/> <p>ADR / RID: Các thỏa thuận châu Âu liên quan đến vận chuyển hàng hoá nguy hiểm quốc tế bằng đường sắt (RID) và bằng đường bộ (ADR).            CAS số: Dịch vụ tóm tắt hoá học.            GHS: Hệ thống hài hoà toàn cầu.            HCS 2012: Tiêu chuẩn truyền thống nguy hiểm của Hoa Kỳ (sửa đổi năm 2012).            IATA: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế.            ICAO: Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế.            IMDG: Hàng hoá nguy hiểm hàng hải quốc tế.            LD: Liều gây tử vong.            OEL: Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.            OSHA: Cơ quan quản lý sức khỏe và an toàn lao động Hoa Kỳ.            PEL: Giới hạn phơi nhiễm cho phép.            REACH: Đăng ký, Đánh giá, Ủy quyền và Hạn chế Hoá chất.            STOT: Độc tính của cơ quan đích cụ thể.            SVHC: Chất gây lo ngại rất cao.            DOT Hoa Kỳ: Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ.            VOC: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi.            WEL: Giới hạn tiếp xúc nội làm việc.</p>
<p><b>Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 3.</b></p>	<p>Skjn Corr. 1A: H314 - Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.            Acute Tox. 3: H331 - Độc nếu hít.            Eye Dám. 1: H318 - Gây thiệt hại mắt nghiêm trọng.            Aquatic Acute 2: H401 - Độc hại đối với đời sống thủy sinh.            Aquatic Chronic 3: H412 - Có hại cho đời sống thủy sinh với hậu quả lâu dài.            Acute Tox. 4: H302 - Có hại nếu nuốt.            Skjn Irrit. 2: H315 - Gây kích ứng da.            Aquatic Acute 1: H400 - Rất độc hại đối với đời sống thủy sinh.            Aquatic Chronic 2: H411 - Độc hại đối với đời sống thủy sinh với hậu quả lâu dài.            Eye Irrit. 2: H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.            Skjn Corr. 1B: H314 - Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.            Acute Tox. 4: H332 - Có hại nếu hít.            Flám. Liq. 2: H225 - Chất lỏng và hơi dễ cháy.            Tox cấp tính. 3: H602 + H311 + H331 - Độc hại nếu nuốt phải, tiếp xúc với da hoặc nếu hít phải.            STOT SE 1: H370 - Gây thiệt hại đến các cơ quan.            STOT SE 2: H371 - Có thể gây thiệt hại cho cơ quan.</p>

## Thông tin khác

	<p><b>TUYÊN BỐ TỪ CHỐI:</b> Các thông tin và khuyến nghị được nêu trong tài liệu này ("Thông tin") được trình bày với thiện chí và được cho là chính xác kể từ ngày bản hành. Không có đại diện nào được thực hiện liên quan đến tính đầy đủ hoặc chính xác của Thông tin. Hơn nữa, do có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm này, Thông tin được cung cấp với điều kiện người đó nhận được sẽ tự quyết định về sự phù hợp của mình cho mục đích duy nhất của họ, trước khi sử dụng.</p> <p>Trừ khi được quy định rõ ràng trong tài liệu này, KHÔNG CÓ ĐẢM BẢO, BẢO ĐẢM, HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT KÌ LOẠI NÀO, ĐẠI DIỆN HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT KÌ LOẠI NÀO, REX RÀNG HOẶC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT B USNG VIỆC SỬ DỤNG SẢN PHẨM NÀY được thực hiện đối với sản phẩm này hoặc sử dụng sản phẩm này. Sản phẩm được bảo hiểm được</p>
--	---

# Acid-A-Foam™ EVO

Phiên bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-07-22

---

**Thông tin khác**

---

	trắng bị "nguyên trạng" và chỉ tuân theo các bảo hành được cung cấp ở đây, không có trách nhiệm pháp lý nào xảy ra do việc sử dụng sản phẩm này.
--	--

---